

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2024.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sơn

- Ông Võ Văn Hiện

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Mộng G, sinh năm 2003. Địa chỉ: 269/1 ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Thành T, sinh năm 1996. Địa chỉ: 53/4 ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Võ Thị Mộng G trình bày:

Chị G và anh Ngô Thành T kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/5/2022, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống chị G và anh T có 01 con chung tên Ngô Thị Gia H, sinh ngày 30/11/2022, hiện con chung đang sinh sống cùng chị G.

Nguyên nhân không còn sống chung: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau do vợ chồng chị G và anh T không hợp nhau nên phát sinh nhiều mâu

thuần không thể hàn gắn được, chị G và anh T đã không còn sống chung khoảng 06 tháng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên nay chị G yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị G yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Thành T, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung là Ngô Thị Gia H, sinh ngày 30/11/2022. Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị G trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị G trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/4/2024 chị Võ Thị Mộng G có đơn xin vắng mặt.

Theo nội dung bản tự khai ngày 03/5/2024 và trong quá trình tố tụng bị đơn Ngô Thành T trình bày:

Anh T và chị G kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, hôn nhân tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, anh T và chị G có 01 con chung tên Ngô Thị Gia Hân, sinh ngày 30/11/2022. Thời gian đầu anh T và chị G chung sống hạnh phúc, thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm làm cho mục đích hôn nhân không đạt được.

Lý do không còn sống chung: do vợ chồng anh T và chị G không hợp nhau, sau khi kết hôn thì chị G sống cùng với gia đình bên chị G mà không về nhà anh T sinh sống, anh T nhiều lần yêu cầu chị G về sống cùng bên nhà anh T nhưng chị G không đồng ý nên anh T và chị G đã xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung khoảng 06 tháng.

Trước các yêu cầu khởi kiện của chị G, anh T có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: anh T đồng ý ly hôn với chị G, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Anh T đồng ý để con chung tên Ngô Thị Gia Hân, sinh ngày 30/11/2022 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi

đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Chị G và anh T kết hôn là do tự nguyện và có đăng ký kết hôn; do đó hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị G trình bày nguyên nhân xin ly hôn là do vợ chồng không hợp nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã không còn sống chung khoảng 06 tháng nên chị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với anh T: Anh T và chị G có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện; do đó hôn nhân của anh T và chị G là hợp pháp. Anh T trình bày lý do không còn sống chung: do vợ chồng anh T và chị G không hợp nhau, sau khi kết hôn thì chị G sống cùng với gia đình bên chị G mà không về nhà anh T sinh sống, anh T nhiều lần yêu cầu cho Ghi về sống cùng bên nhà anh T nhưng chị G không đồng ý nên anh T và chị G đã xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung khoảng 06 tháng. Do đó, nhận thấy tình cảm vợ chồng của chị G và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh T của chị G là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị G và anh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị G có 01 con chung tên Ngô Thị Gia H, sinh ngày 30/11/2022, hiện con chung đang sinh sống với chị G. Chị G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh T đồng ý để chị Ghi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Chị G và anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị G và anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 92, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mộng G.

Về hôn nhân: Chị G được ly hôn với anh T; không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

Về con chung: Chị G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Ngô Thị Gia Hân, sinh ngày 30/11/2022. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Chị G và anh T trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị G và anh T trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Ngô Thành T có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 53/4 ấp Quý Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Võ Thị Mộng G và anh Ngô Thành T có yêu cầu xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị G và anh T theo quy định.

[4] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Mộng G và anh Ngô Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/12/2022. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị G và anh T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị G yêu cầu ly hôn với anh T là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã không còn sống chung khoảng 06 tháng. Anh T thừa nhận do anh và chị G không hợp nhau, sau khi kết hôn thì chị G sống cùng với gia đình bên chị G mà không về nhà anh T sinh sống, anh T nhiều lần yêu cầu chị G về sống cùng bên nhà anh T nhưng chị G không đồng ý nên anh T và chị G đã xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung khoảng 06 tháng. Xét thấy: Hiện nay chị G và anh T không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tạo điều kiện để chị G và anh T hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng chị G và anh T đều kiên quyết muốn ly hôn nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị G và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị Võ Thị Mộng G và anh Ngô Thành T có 01 con chung tên Ngô Thị Gia H, sinh ngày 30/11/2022 đang sống chung với mẹ. Khi ly hôn chị G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh T đồng ý giao con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay con chung Ngô Thị Gian Hân dưới 36 tháng tuổi và khi ly hôn chị G và anh T đã tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Do đó cần giao con chung tên Ngô Thị Gia Hân, sinh ngày 30/11/2022 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81

Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị G và anh T không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Chị G và anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị G và anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Võ Thị Mộng G phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Mộng G. Chị Võ Thị Mộng G được ly hôn với anh Ngô Thành T. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị G và anh T không có yêu cầu.

2. Về con chung: chị Võ Thị Mộng G được trực tiếp nuôi con chung tên Ngô Thị Gia H, sinh ngày 30/11/2022. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị G không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Mộng G và anh Ngô Thành T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị Mộng G và anh Ngô Thành T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Võ Thị Mộng G phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003721 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Hoà Lợi;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thanh Hùng-Mai Văn Thắng

Nguyễn Thị Tơ

